TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **977**/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 812/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà **Trần Thị Kim N**, sinh năm 1995
Địa chỉ: 1 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1997
Địa chỉ: 2 P, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền*: Bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng V cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N có địa chỉ cư trú ở quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 146/2018 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2018 thì bà N và ông V là vợ chồng hợp pháp. Ngày 19/9/2023, bà N và ông V có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời trình bày của bà N và ông V tại bản tự khai, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hòa hợp về tính tình, không có sự thương yêu, quan tâm và chia sẻ lẫn nhau. Hai vợ chồng đã ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà cùng thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông bà do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly

hôn của bà N và ông V là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên ghi nhận.

[4] *Về con chung*: Có 1 con chung tên Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 05/01/2020. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Hoàng V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2023 cho đến khi con chung thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung là tự nguyện và không trái luật nên Tòa án công nhận.

[5] *Về tài sản chung*: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] *Về lệ phí Tòa án*: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng Vũ chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 05/01/2020 cho bà Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hoàng V chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2023 cho đến khi con chung thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị Kim N đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hoàng V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí ly hôn: Bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng V cùng chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023704 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà N và ông V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 146/2018, ngày 26/7/2018);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Quang Thiện